

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Chu

Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Chúc – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 348/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1989 (có mặt)

ĐKTT: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

Chỗ ở hiện nay: ấp Bình Lợi, xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm, tỉnh B

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2019 và lời khai tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B ngày 11/3/2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 4/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên

nhân là do chị phát hiện anh Đ phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên thì anh Đ đánh đập chị. Ngoài ra anh Đ đi làm có tiền nhưng không đưa chị để phụ nuôi con, do không muốn tiếp tục cuộc sống hôn nhân với anh Đ nên từ tháng 6/2019 chị đã dẫn hai con chung về nhà mẹ ruột tại xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm sinh sống, từ đó hai bên đã chính thức sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không có liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/01/2019, hai con chung hiện đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành thu thập được lời khai.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm L đối với anh Nguyễn Văn Đ. Về con chung: cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/01/2019, nhận thấy tại biên bản lấy ý kiến ngày 06/8/2019 cháu P có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn; còn cháu T dưới 36 tháng tuổi và từ khi chị L anh Đ sống ly thân thì cháu P, cháu T sống cùng chị L. Do đó xét thấy yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung của chị L là phù hợp với nguyện vọng của cháu P và cũng phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh Đ không trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung nên anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng

nuôi hai con chung hàng tháng theo quy định pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Cẩm L và anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh B vào ngày 11/3/2016 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống hai bên phát sinh mâu thuẫn, chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ, yêu cầu của chị L được Tòa án xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm thì chị L xác định đã không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện B đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh Đ đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, theo xác minh của Tòa án tại địa phương thì hiện nay giữa chị L và anh Đ đã sống ly thân với nhau. Đồng thời, lời khai của người làm chứng là chị dâu của anh Đ - chị Võ Thị Trúc Phương về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa chị L và anh Đ là do chị L phát hiện anh Đ có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng bất hòa. Xét thấy lời trình bày của người làm chứng đồng nhất với trình bày của chị L về nguyên nhân mâu thuẫn của chị L anh Đ. Trong thời gian sống ly thân thì hai bên đã không còn liên lạc với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Gia đình hai bên cũng đã khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Điều đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì tình trạng hôn nhân sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống bình thường của các thành viên trong gia đình. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh Đ là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Trong quá trình chung sống với nhau, chị L và anh Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày

30/01/2019. Hiện nay, cháu P đã trên 7 tuổi, cháu T dưới 36 tháng tuổi và cả 02 cháu đang sống cùng chị L. Tại biên bản lấy ý kiến của Tòa án ngày 06/8/2019 cháu P có nguyện vọng được sống cùng mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Do đó, xét thấy yêu cầu của chị L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng theo quy định pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh Đ không trực tiếp nuôi hai con chung nên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 745.000đ/1cháu (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một cháu) đến khi con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2019.

[5] Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp. Án phí cấp dưỡng không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Văn Đ phải nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Cẩm L ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ

2. Về con chung: cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/8/2011 và cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/01/2019.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L có quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 24/8/2011 và Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 30/01/2019. Anh Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 745.000đ/1cháu (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng trên một cháu) đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 30/9/2019.

Anh Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: không có.

5. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Cẩm L phải nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004955 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Án phí chị L đã nộp xong.

- Án phí cấp dưỡng không có giá ngạch: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh Nguyễn Văn Đ phải nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Nguyễn Thị Cẩm L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chu

Hà Thị Dung

Phạm Văn Long

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường

Trịnh Thị Hồng Thắm

Phạm Văn Long

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B, tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh B;
- UBND xã Tân Xuân, huyện B, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Long